



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 26

Ngày 01 tháng 7 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

30-5-2013 - Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 110/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về tuyển dụng và chế độ tập sự đối với công chức phường, xã, thị trấn. 3

10-6-2013 - Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại Thành phố Hồ Chí Minh. 5

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

17-6-2013 - Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 4. 6

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- 21-5-2013 - Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 40, tổ dân phố 40A thuộc khu phố 4, phường Linh Chiểu. 16

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 06-6-2013 - Quyết định số 2976/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Thạnh An, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015. 19
- 06-6-2013 - Quyết định số 2977/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015. 47

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về bãi bỏ Quyết định số 110/2006/QĐ-UBND

ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định
về tuyển dụng và chế độ tập sự đối với công chức phường, xã, thị trấn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 388/TTr-SNV ngày 30 tháng 5 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 110/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về tuyển dụng và chế độ tập sự đối với công chức phường, xã, thị trấn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Chủ

tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về bãi bỏ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 402/TTr-SNV ngày 04 tháng 6 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2013/QĐ-UBND

*Quận 4, ngày 17 tháng 6 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 4**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 4 tại Tờ trình số 70/TTr-LĐTBXH ngày 10 tháng 5 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 4.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 767/QĐ-UBND-NC ngày 21 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 4 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 4.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 4, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 4
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 4)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 4 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện), bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công với nước; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội (gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội); thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 4 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; đề án, chương trình trong lĩnh vực lao động,

người có công với nước và xã hội, bình đẳng giới; cải cách hành chính, xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành các văn bản về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội, bình đẳng giới thuộc thẩm quyền. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội, bình đẳng giới trên địa bàn quận sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực được giao.

3. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội; quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở dạy nghề, giới thiệu việc làm, cơ sở giáo dục lao động xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn quận theo phân cấp, ủy quyền.

5. Giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký dạy nghề; tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động dạy nghề của các cá nhân, tổ chức theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý đài tưởng niệm, công trình ghi công liệt sỹ, quỹ đền ơn đáp nghĩa.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân phường trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội.

8. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và các đối tượng chính sách xã hội. Tổ chức và hướng dẫn thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn.

9. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công với nước và xã hội theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

10. Giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình

đẳng giới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về giới tính và chính sách, pháp luật về bình đẳng giới trong phạm vi địa phương; phối hợp kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong phạm vi địa phương.

11. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội.

12. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

13. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận.

14. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

15. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội có 01 Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

2. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời trước Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố về việc thực hiện các mặt công tác chuyên môn.

3. Các Phó Trưởng phòng là người giúp việc cho Trưởng phòng, phụ trách và theo dõi một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

4. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định bổ nhiệm theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật; việc miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể của cơ quan, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hội tổ chức thành các Tổ chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ chính sách lao động: việc làm, dạy nghề, tiền công, tiền lương, quản lý lao động, hòa giải tranh chấp lao động, vệ sinh an toàn lao động, phòng, chống cháy, nổ, bảo hộ lao động; quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

- Tổ chính sách xã hội: bảo trợ xã hội, các phong trào toàn dân chăm sóc, hỗ trợ đối tượng chính sách xã hội; chính sách người có công với nước; hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với người có công, các phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công; quản lý nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm, các công trình ghi công liệt sỹ, quỹ đền ơn đáp nghĩa...;

- Tổ phòng, chống tệ nạn xã hội: mại dâm, ma túy (quản lý người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, người sau cai nghiện và phòng chống tái nghiện ma túy);

- Tổ bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới;

- Tổ giảm nghèo, tăng hộ khá;

- Tổ tài chính, tài sản, kế toán tài vụ, thủ quỹ: thực hiện chi trả chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ;

- Tổ giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công và xã hội;

- Tổ kế hoạch, tổng hợp, thống kê, hành chính, văn thư lưu trữ: chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất; khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và một số công việc khác theo phân công của lãnh đạo Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có thể thành lập thêm các tổ hoặc hợp nhất, chia tách các tổ, bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 5. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội do Ủy ban nhân dân quận phân bổ trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm và thực hiện theo cơ chế khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính của quận.

Chương IV CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh. Khi Trưởng phòng vắng mặt dài ngày, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng hoặc cấp trên có thẩm quyền ủy nhiệm điều hành mọi hoạt động của đơn vị và chịu trách nhiệm về việc thay thế điều hành hoạt động đó.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác cho từng thời kỳ.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên

môn khác, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn quận

Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội theo quy định của Nhà nước;

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thỏa ước về lao động, người có công với nước và xã hội trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về lao động, người có công và xã hội tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và đối tượng chính sách xã hội. Giúp Ủy ban nhân dân phường phối hợp thực hiện tuyên truyền giáo dục phòng chống, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội trên địa bàn quận.

6. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp và hỗ trợ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chế độ chính sách lao động, người có công và xã hội, tiếp nhận những phản ánh về tình hình các đối tượng để giải quyết kịp thời; phối hợp với các đoàn thể quần chúng vận động các đối tượng chính sách, phát huy truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cụ thể hóa quy chế làm việc của cơ quan nhưng không được trái quy chế này, cụ thể chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 10. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2013/QĐ-UBND

Thủ Đức, ngày 21 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 40, tổ dân phố 40A
thuộc khu phố 4, phường Linh Chiểu**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố;

Căn cứ Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2013 và của Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 214/TTr-NV ngày 14 tháng 5 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ dân phố 40, tổ dân phố 40A thuộc khu phố 4, phường Linh Chiểu trên cơ sở chia tách tổ dân phố 40 cũ, cụ thể như sau:

1. Tên tổ dân phố: 40 (được thành lập trên cơ sở một phần diện tích của tổ dân phố 40 cũ)

- Diện tích tự nhiên: 0,81 ha

- Tổng số hộ: 86

- Tổng số nhân khẩu: 343

- Vị trí tiếp giáp:

- Phía Đông giáp tổ 40A khu phố 4, phường Linh Chiểu.
- Phía Tây giáp tổ 41 và tổ 44 khu phố 4, phường Linh Chiểu.
- Phía Nam giáp tổ 39 khu phố 4, phường Linh Chiểu.
- Phía Bắc giáp tổ 44 khu phố 4, phường Linh Chiểu.

2. Tên tổ dân phố: 40A (được thành lập trên cơ sở một phần diện tích của tổ dân phố 40 cũ)

- Diện tích tự nhiên: 1,06 ha

- Tổng số hộ: 76

- Tổng số nhân khẩu: 302

- Vị trí tiếp giáp:

- Phía Đông giáp tổ 39 và tổ 46 khu phố 4, phường Linh Chiểu.
- Phía Tây giáp tổ 40 khu phố 4, phường Linh Chiểu.
- Phía Nam giáp tổ 39 và tổ 41 khu phố 4, phường Linh Chiểu.
- Phía Bắc giáp tổ 44, khu phố 4, phường Linh Chiểu.

Điều 2. Tổ dân phố 40, 40A hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu ban hành các Quyết định chỉ định Tổ trưởng lâm thời các tổ dân phố 40, 40A. Đến kỳ tổ chức Hội nghị nhân dân ở tổ dân phố sẽ tổ chức bầu cử Tổ trưởng theo quy trình quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ các Quyết định trước đây có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, Trưởng Khu phố 4 - phường Linh Chiểu và Tổ trưởng các tổ dân phố có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thanh Nhân

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2976/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Thạnh An,
huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 27/TTr-BQL, ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An, huyện Cần Giờ về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Thạnh An, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 420/TB-TCT-PTNT ngày 26 tháng 12 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 857/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 17 tháng 5 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Thạnh An, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ,

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh An, huyện Cần Giờ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An,
huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2976/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ THẠNH AN, HUYỆN CẦN GIỜ

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG:

1. Vị trí địa lý

Thạnh An là xã đảo của huyện Cần Giờ cách trung tâm huyện khoảng 08 km tính theo đường chim bay và cách trung tâm thành phố khoảng 50 km. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 13.141,46 ha, chiếm 18,66% diện tích tự nhiên của huyện. Ranh giới xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Phía Tây giáp xã Long Hòa huyện Cần Giờ;
- Phía Nam giáp biển Đông (vịnh Gành Rái cửa biển Cần Giờ);
- Phía Bắc giáp xã Phước An huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Thạnh An là xã có hệ thống giao thông chủ yếu bằng đường thủy, đường bộ là các tuyến đường liên ấp, đường nội bộ khu dân cư, giao thông ra ngoài xã chỉ bằng đường thủy, do đó không thuận lợi trong đi lại. Địa bàn xã được chia thành 03 ấp, gồm: ấp Thạnh Hòa, ấp Thạnh Bình và ấp Thiềng Liềng, người dân chủ yếu hành nghề khai thác đánh bắt thủy sản và làm muối.

2. Dân số

Tính đến cuối năm 2012, toàn xã có 4.530 nhân khẩu (trong đó, nam: 2.517 người, chiếm 55,56%; nữ: 2.013 người, chiếm 44,44%); có 1.155 hộ gia đình, trong đó có 730 hộ sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 50,6%, số hộ còn lại chủ yếu hoạt động trong các ngành nghề phi nông nghiệp.

3. Lao động

Số người trong độ tuổi lao động là 2.713 người, chiếm tỷ lệ 60,5% dân số toàn xã. Lao động chủ yếu tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp (sản xuất ngư, diêm nghiệp) chiếm 63%, còn lại lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sinh viên, học sinh, công chức, viên chức...

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch nông thôn mới

a) Quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, xã Thạnh An chưa có quy hoạch sử dụng đất chính thức được phê duyệt.

b) Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường, phát triển khu dân cư mới và chỉnh trang khu dân cư hiện hữu.

Trong những năm gần đây, xã Thạnh An có nhiều thay đổi do có các công trình đã được đầu tư xây dựng và sửa chữa nâng cấp như trụ sở của các cơ quan, trường học, công trình phúc lợi xã hội, mạng lưới điện chiếu sáng, mạng lưới thông tin, bưu điện, nhà ở của người dân được cải tạo, nâng cấp với kiến trúc khang trang. Các điểm dân cư hình thành, phát triển qua nhiều thế hệ với hình thái phân bố mang đậm nét đặc trưng của vùng ven biển.

Dự kiến đến năm 2013, xã Thạnh An sẽ di dời một bộ phận dân cư về huyện, quy hoạch các điểm dân cư mới trên diện tích lấn sông Thêu khoảng 137 ha và chỉnh trang khu dân cư hiện hữu.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Hiện chỉ sử dụng vận tải đường thủy thông qua các bến tàu (tại trung tâm xã có 2 bến tàu, ấp Thiềng Liềng có 2 bến tàu), ca nô kết nối với đất liền. Trên địa bàn xã có 3 tuyến đường giao thông tổng chiều dài 8,2 km, trong đó:

- Đường giao thông trục xã: Có 1 tuyến/2,4km, hiện nay chủ yếu phục vụ cho xe gắn máy và xe thô sơ.

- Đường giao thông nội đồng: 3,4 km, phục vụ sản xuất muối, sử dụng xe gắn máy và xe thô sơ vận chuyển ra các bến tàu .

- Đường ấp, ngõ, xóm: 12 tuyến/2,4 km, đường nhỏ hẹp, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

Đa số đường giao thông đã được cứng hóa tuy nhiên đường nhỏ, hẹp, một số đoạn bị ngập nước do ảnh hưởng bởi triều cường, không đạt chuẩn.

b) Kênh rạch (Thủy lợi - Phòng, chống lụt, bão)

Công trình thủy lợi của xã được quan tâm và ưu tiên đầu tư, hệ thống thủy lợi đồng muối ấp Thiềng Liềng, công trình kè đá tương đối hoàn chỉnh, tuy nhiên trong thời gian tới cần cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi.

c) Điện

- 1 Trạm phát điện diesel
- Số km đường hạ thế: 4 km

Tình hình sử dụng điện chỉ được cung cấp điện 18 giờ/ngày/đêm, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, riêng tại khu vực ấp Thiềng Liềng hiện nay có 172 hộ và 7 đơn vị sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 99%.

d) Trường học

Tổng số trường học của xã có 3 trường: trường Mẫu giáo Thạnh An, trường Tiểu học Thạnh An, trường Trung học cơ sở Thạnh An

- + Số trường đạt chuẩn quốc gia: không
- + Số trường không đạt chuẩn quốc gia: 3 trường.

* Trường Mẫu giáo Thạnh An: gồm 1 điểm chính và 1 điểm lẻ với 6 lớp, 141 trẻ và 6 giáo viên.

- Diện tích đất: 1.863 m².
- Diện tích sân chơi, bãi tập: 600 m².
- Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có 6 phòng không đạt chuẩn.
- Khối phòng tổ chức ăn: 1 (không đạt chuẩn).
- Khối phòng hành chính quản trị: 1 (không đạt chuẩn).
- Sân vườn: 1 (không đạt chuẩn).

- Đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu và đồ chơi ngoài trời: còn thiếu rất nhiều so với danh mục tối thiểu.

- Số giáo viên: 6 giáo viên đều đạt chuẩn.

* Trường Tiểu học Thạnh An: gồm một điểm chính và một điểm lẻ với 15 lớp, 368 học sinh, 18 giáo viên.

- Diện tích đất: 2.919 m².
- Diện tích sân chơi, bãi tập: 730 m².
- Khối phòng học: có 15 phòng không đạt chuẩn.
- Khối phòng phục vụ học tập: 2 phòng (không đạt chuẩn).
- Khối hành chính quản trị: 3 khối (không đạt chuẩn).
- Số giáo viên có 18 giáo viên đều đạt chuẩn.

* Trường THCS Thạnh An: gồm 8 lớp, 229 học sinh, 21 giáo viên.

- Diện tích đất: 1.844 m².
- Diện tích sân chơi, bãi tập: 368 m².
- Khối phòng học có 8 phòng không đạt chuẩn.
- Khối phòng phục vụ học tập: 1 phòng (không đạt chuẩn).
- Khối hành chính quản trị: 1 khối (không đạt chuẩn)
- Số giáo viên có 21 giáo viên đều đạt chuẩn.

Nhìn chung, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục tại địa phương còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu trong việc giảng dạy và học tập.

đ) Cơ sở vật chất, văn hóa: Hiện xã có 1 nhà văn hóa, 1 sân bóng đá, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu.

e) Chợ: Trong những năm qua, việc buôn bán, kinh doanh của nhân dân địa phương chủ yếu tại nhà và trên trục đường chính trung tâm xã, chưa có chợ theo tiêu chuẩn.

g) Bưu điện: Hiện xã có 1 bưu điện văn hóa xã, phục vụ nhu cầu cho người dân và có đường truyền Internet đến 2 ấp, riêng ấp Thiềng Liềng chưa có Internet và hệ thống thông tin liên lạc cũng còn hạn chế.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

Toàn xã có 983 căn nhà, trong đó nhà đạt chuẩn khoảng 484 căn chiếm 49,40%, nhà chưa đạt chuẩn 369 căn, chiếm 37,53%.

Dân cư sinh sống chủ yếu tập trung tại trung tâm xã, tình hình xây dựng nhà ở

theo kiểu tự phát, từ đó làm ảnh hưởng đến mỹ quan, ngoài ra còn một số hộ sống trong rừng phòng hộ.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Thu nhập bình quân đầu người: 14 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm): là 256/1.155 hộ, chiếm 22,16% tổng số hộ.

b) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Số lao động trong độ tuổi: là 2.713 người, chiếm 60,5% dân số toàn xã.

- Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp chiếm 70%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 30%.

- Lao động phân theo kiến thức phổ thông:

+ Tiểu học: 64%

+ Trung học cơ sở: 25,5%

+ Trung học phổ thông: 10,5%

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 35%. Trong đó:

+ Sơ cấp (3 tháng trở lên): 75%

+ Trung cấp: 23%

+ Đại học: 2%

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Số doanh nghiệp: có 2 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn chủ yếu thuộc lĩnh vực thương mại dịch vụ; 1 cơ sở sơ chế cá cơm.

- Kinh tế trang trại: chưa có trang trại; hiện có 40 hộ dân tổ chức sản xuất chủ yếu tập trung ở lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (nuôi hào, cá, sò).

- Kinh tế tập thể: đã thành lập 1 hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ muối Thiêng Liêng.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Văn hóa

Có 3/3 ấp giữ vững ấp văn hóa theo tiêu chí của Ủy ban nhân dân thành phố quy

định, đạt 100%, riêng xã được huyện ghi nhận xã văn hóa năm thứ hai, số hộ được công nhận gia đình văn hóa 3 năm liên tục là 1.020/1.070 hộ, đạt 95,14 %.

b) Giáo dục

+ Phổ cập giáo dục trung học: xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học 115/152 đạt 75,65% (đạt chuẩn thành phố);

+ Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề đạt 90% (đạt chuẩn thành phố);

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35% (949/2.713 lao động).

c) Y tế

- Hiện xã có 1 trạm y tế với số lượng cán bộ 8 người trong đó có 1 bác sĩ, 2 y sĩ, 3 y tá và 2 nữ hộ sinh. Trạm Y tế đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và thực hiện các chương trình y tế quốc gia đạt kết quả tốt.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế: còn thiếu và chưa đạt chuẩn theo quy định.

- Tỷ lệ người dân đăng ký tham gia các hình thức bảo hiểm y tế 3.171/4.530 người chiếm 70%;

d) Môi trường

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 1.155 hộ đạt 100%, nguồn cung cấp nước chính là vận chuyển bằng phương tiện xe tải chứa 500 m³ từ nhà máy nước Đặng Đoàn Nguyễn thông qua Trạm cấp nước của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Cần Giờ. Hiện Trạm cấp nước phục vụ khu dân cư mới ấp Thạnh Hòa và ấp Thiêng Liêng đã xuống cấp, các bồn chứa, máy bơm, hệ thống ống dẫn nước cần phải sửa chữa, đầu tư nâng cấp.

- Tỷ lệ hộ dân có các công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn 754/ 1.155 đạt 65,28%;

- Xử lý chất thải toàn xã có 200 hộ đăng ký thu gom rác, chiếm 18,65 % (190 hộ dân và 10 cơ sở) còn lại 202 hộ thuộc diện nghèo;

- Nghĩa trang: trên địa bàn xã có 1 nghĩa trang chưa đạt chuẩn.

- Tình hình chung về giữ gìn vệ sinh bảo vệ môi trường và quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường tại địa bàn dân cư tương đối sạch. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ dân có nhà vệ sinh hợp quy cách khá thấp, tình trạng nước đọng vào mùa mưa tại khu dân cư vẫn còn, hệ thống cống thoát nước hiện tại xuống cấp (nắp cống hư, rác tràn nghẹt cống).

5. Hệ thống chính trị

a) Hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức so với chuẩn

Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã Thạnh An được giao năm 2013 là 43 người: trong đó có 23 cán bộ và công chức, 20 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 3 năm 2013 là 09 cán bộ, 10 công chức, 20 cán bộ không chuyên trách.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ đại học: 6 người

+ Trình độ cao đẳng: 1 người

+ Trình độ trung cấp: 9 người

- Về trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ cao cấp: 2 người

+ Trình độ trung cấp: 7 người

Số lượng cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đạt tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn: 17/19 người.

b) Tình hình hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị của xã

Đảng bộ xã có 9 chi bộ trực thuộc (3 chi bộ ấp, 3 chi bộ trường học, 1 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ y tế và 1 chi bộ quân sự) với tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 75 đảng viên (trong đó 61 đảng viên đang công tác, 1 đảng viên hưu trí và 13 đảng viên ở địa bàn dân cư). Kết quả đánh giá tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên năm 2012: Đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh, trong đó có 7 chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh và 2 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Xã có tổng số 39 cán bộ, công chức (các chức danh trong biên chế) cụ thể như sau:

+ Cán bộ chuyên trách (9 người) gồm: Bí thư Đảng ủy đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân (HĐND); Phó Chủ tịch UBND; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Chủ tịch Hội

Nông dân; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh; Bí thư Xã đoàn.

+ Công chức (10 người): Văn phòng - thống kê (2 người); Tư pháp - Hộ tịch (1 người); Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (2 người); Tài chính kế toán (2 người); Văn hóa - Xã hội (2 người); Xã đội trưởng (1).

+ Cán bộ không chuyên trách (20 người): Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh, Phó Bí thư Xã đoàn, Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, cán bộ Tuyên giáo, cán bộ Văn phòng Đảng ủy kiêm cán bộ Tổ chức, Thường trực khối vận, Phó Trưởng Công an, Phó Chỉ huy trưởng Quân sự (2 người), Lao động - Thương binh - Xã hội (2 người), cán bộ Kinh tế, Văn thư - Lưu trữ - thủ quỹ, Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Bình đẳng giới và trẻ em.

- Trình độ văn hóa của cán bộ, công chức xã:

+ Tốt nghiệp trung học phổ thông: 32 người

+ Chưa tốt nghiệp trung học phổ thông 4 người

+ Trung học cơ sở: 3 người

- Trình độ chuyên môn:

+ Đại học: 6 người

+ Đang học đại học: 11 người

+ Cao đẳng: 1 người

+ Trung học: 9 người

+ Đang học trung học: 01 người

+ Không có chuyên môn, nghiệp vụ: 11 người

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cao cấp: 2 người

+ Trung cấp: 16 người

* Tổ chức và hoạt động của các đoàn thể: qua đánh giá chất lượng năm 2012 các đoàn thể đều đạt xuất sắc và vững mạnh.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 30 thành viên

- Đoàn thanh niên: 09 chi đoàn với 103 đoàn viên
- Hội Liên hiệp Thanh niên: 3 chi hội với 285 hội viên và 17 câu lạc bộ đội nhóm
- Hội Liên hiệp Phụ nữ: có 3 chi hội, 42 tổ hội với 954 hội viên
- Hội Cựu Chiến binh: 3 chi hội với 19 hội viên; 1 câu lạc bộ cựu quân nhân
- Hội Nông dân: có 3 chi hội, 7 tổ hội với 656 hội viên
- Hội Chữ Thập đỏ: 3 chi hội, 42 tổ hội với 750 hội viên
- Hội Người cao tuổi: 3 chi hội, 308 hội viên.

c) Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững và ổn định, tình hình trộm cắp có xảy ra nhưng giá trị tài sản không đáng kể. Tệ nạn ma túy trong năm xảy ra 1 vụ buôn bán trái phép chất ma túy, việc sử dụng ma túy rất khó ngăn chặn, đa số nghiện hoặc nhiễm HIV ở nơi khác rồi quay về địa phương; tệ nạn mại dâm không xảy ra trên địa bàn xã. Xây dựng và duy trì tốt “phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, ý thức cảnh giác phòng, chống tội phạm, trong nhân dân, cán bộ, công chức ngày càng nâng cao. Lực lượng công an xã từng bước được củng cố, được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng khả năng yêu cầu giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã trong tình hình mới.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ THẠNH AN - HUYỆN CẦN GIỜ ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Thạnh An trở thành xã nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao. Cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Thạnh An trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hiện trạng năm 2012: 05/19 tiêu chí đạt chuẩn (tiêu chí 3, 8, 13, 16, 19).

- Năm 2013: Phần đầu đạt 11/19 tiêu chí đạt chuẩn (đạt thêm 6 tiêu chí: 1, 2, 4, 6, 7, 15).

- Năm 2014: Phần đầu đạt 14/19 tiêu chí đạt chuẩn (đạt thêm 3 tiêu chí: 5, 14, 17).

- Năm 2015: Phần đầu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (đạt thêm 5 tiêu chí: 9, 10, 11, 12, 18).

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới về quy hoạch

b) Nội dung: Hoàn chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An theo Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông

+ Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

+ Nguyên tắc đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư các đường giao thông liên xã, đường giao thông trục chính kết nối mạng lưới giao thông với quốc lộ, tỉnh lộ hoặc trục đường chính của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

- Thực hiện quy mô đầu tư theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Trường hợp mặt đường hiện trạng lớn hơn theo quy định của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT thì thực hiện đầu tư theo hiện trạng.

+ Nội dung thực hiện:

* Đường giao thông trục xã, liên xã: Sửa chữa, mở rộng cục bộ đường trục chính trung tâm của xã trên cơ sở hiện trạng (chỉ mở rộng những nơi hẹp), kết cấu bê tông xi măng.

* Đường giao thông trục ấp, liên ấp:

- Nâng cấp, sửa chữa đường khu dân cư các ấp, kết cấu bê tông xi măng.

- Xây mới đoạn đường giao thông nội dài từ khu đất Đồn Biên phòng đến hết sân vận động cũ kết cấu bê tông xi măng.

- Nâng cấp, sửa chữa đường đê bao kết hợp đường dân sinh ấp Thiềng Liềng, kết cấu bê tông xi măng, quy mô giống như hiện trạng đoạn đã đầu tư .

- Xây mới cầu đò Thiềng Liềng và nâng cấp, mở rộng cầu đò trước Ủy ban nhân dân xã; nâng cấp cầu đá ngầm.

- Xây dựng mới hệ thống cống thoát nước khu dân cư ấp Thạnh Hòa, Thạnh Bình với kết nối đồng bộ hệ thống thoát nước dọc và ngang các đường, đảm bảo tiêu thoát nước trong khu vực dân cư.

b) Thủy lợi

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện: Xây mới 2 cống và sửa chữa, duy tu 3 cống thủy lợi phục vụ đê bao đồng muối Thiềng Liềng.

c) Điện

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện: Di dời cột điện nằm trên đường bê tông xi măng tại 2 ấp.

d) Trường học

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

+ Nội dung thực hiện:

- Trường Mầm non: Xây dựng mới trường đạt chuẩn (theo dự án được duyệt).

- Trường Tiểu học: Xây dựng mới trường đạt chuẩn (theo dự án được duyệt).

- Trường Trung học cơ sở: Xây dựng mới trường đạt chuẩn (theo dự án được duyệt).

- Nâng cấp và sửa chữa 1 phòng học mầm non và 5 phòng học tiểu học tại ấp Thiềng Liềng.

đ) Y tế

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 về cơ sở vật chất y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện: Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế đạt chuẩn.

e) Cơ sở vật chất văn hóa

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới:

+ Nội dung thực hiện:

Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã:

- Nâng cấp, cải tạo khuôn viên đạt chuẩn Trung tâm văn hóa - thể thao xã.

- Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới các công trình, bao gồm:

+ Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới Nhà văn hóa áp gần với văn phòng Ban nhân dân ấp Thạnh Bình (Diện tích 450 m²).

+ Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới Nhà văn hóa áp gần với văn phòng Ban nhân dân ấp Thiềng Liềng (Diện tích 726 m²).

- Nâng cấp, mở rộng trụ sở UBND xã.

g) Chợ nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện: xây dựng mới 1 cửa hàng tiện ích xã (375 m²) tại ấp Thạnh Hòa. Hình thành nơi kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân; xây dựng và phát triển kinh doanh các mặt hàng đặc trưng của địa phương đồng thời có các hoạt động văn hóa khác, có mục đích quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của xã và thu hút khách du lịch.

h) Bưu chính - viễn thông

+ Mục tiêu: Duy trì nâng chất yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

+ Nội dung thực hiện: Nâng cấp, cải tạo Bưu điện xã.

i) Nhà ở dân cư nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới - Chính trang nhà ở các khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển, đảm bảo vẻ mỹ quan khu dân cư nông thôn ven đô.

+ Nội dung thực hiện: Đảm bảo 369 căn nhà đạt chuẩn quy định tại Điều 12 Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, cụ thể:

- Phát triển nhà ở nông thôn gắn với việc phát triển và nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch, đảm bảo về mỹ quan khu dân cư nông thôn.

- Tập trung ưu tiên việc cải thiện và nâng cao chất lượng chỗ ở của các hộ dân cư nông thôn, kết hợp với các chính sách cho vay để hộ dân sửa chữa, cải tạo và nâng cấp chỗ ở hiện có.

- Gắn kết nhà ở trong mối quan hệ với xây dựng môi trường nông thôn, việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở cần tạo diện mạo mỹ quan, văn minh, sạch đẹp cho nông thôn, do đó xây dựng nhà ở không chỉ bền chắc mà còn phải đẹp, có tính mỹ thuật trong quá trình thiết kế, thi công công trình

- Nâng cấp, chỉnh sửa nhà ở theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất

a) Phương hướng phát triển các ngành sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập người dân.

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015, thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 đến 1,8 lần

+ Nội dung thực hiện: Phát triển các ngành sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập người dân:

- Hướng dẫn người dân sản xuất sản phẩm có lợi thế theo hướng thị trường và hàng hóa. Nhà nước hỗ trợ đầu tư theo phương châm “Mỗi xã có ít nhất 1 sản phẩm”.

- Khuyến khích phát triển nông nghiệp hiệu quả kinh tế cao, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường. Xã quy hoạch ổn định vùng đất sản xuất nông nghiệp để Nhà nước hỗ trợ cho quy hoạch hạ tầng cơ bản (đường, điện, cấp nước và xử lý chất thải...) phục vụ phát triển sản xuất.

- Tăng cường khuyến nông đối với nông dân qua các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan, hội thảo...

- Đẩy mạnh phát triển các hình thức kinh doanh, sản xuất, dịch vụ thương mại

góp phần giải quyết việc làm, giảm thời gian nông nhàn, tăng thu nhập cho người dân như phát triển các hình thức tiêu thụ công nghiệp, tạo thêm việc làm tại nhà, dạy nghề mới.

- Phát triển các ngành nghề nông thôn, thực hiện các chương trình dạy nghề cho người dân như sửa chữa máy ghe tàu, cơ khí, nấu ăn, may, đan....

- Xây dựng các mô hình sản xuất tiêu thụ công nghiệp và ngành nghề:

+ Nuôi trồng thủy sản: chủ yếu là nuôi tôm, hào, sò huyết, cá.

+ Đầu tư xây dựng các trang trại sinh thái kết hợp du lịch (V-A-D).

+ Duy trì tạo điều kiện cho các cơ sở hàn tiện, sửa chữa cơ khí (máy móc) phục vụ đánh bắt, nuôi trồng thủy sản.

+ Tạo điều kiện, hỗ trợ, duy trì các cơ sở sơ chế cá cơm, kết hạt cườm nhằm giải quyết lao động tại địa phương.

+ Khuyến khích, tạo điều kiện xây dựng cơ sở chế biến muối; làm mắm tôm, mắm cá cơm, cá dứa khô.

+ Nuôi heo rừng lai.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

+ Nội dung:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cần Giò phấn đấu đến năm 2015 giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm) xuống còn dưới 2%, đối với Thạnh An.

- Thực hiện các chương trình an sinh xã hội:

+ Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động, giới thiệu việc làm; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

+ Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

+ Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã liên kết chặt chẽ với Trung tâm dạy nghề huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

d) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

+ Mục tiêu: Duy trì nâng chất yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Duy trì và củng cố phát triển Hợp tác xã muối thiêng liềng.

- Thành lập 1 hợp tác xã du lịch, vận chuyển hành khách; 1 hợp tác xã nghề muối; 1 tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản; 1 tổ hợp tác đánh bắt thủy sản.

- Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn tại xã; nâng cao đóng góp của kinh tế tập thể vào tăng trưởng kinh tế tại xã thực hiện xóa đói giảm nghèo một cách bền vững, tạo thêm việc làm mới và bảo vệ môi trường theo hướng:

+ Hạ giá thành và nâng cao chất lượng các dịch vụ của các tổ hợp tác cung cấp cho tổ viên.

+ Mở rộng loại hình dịch vụ mà tổ viên và cộng đồng có nhu cầu. Phấn đấu xây dựng và phát triển các loại hình kinh tế tập thể cung cấp các dịch vụ phục vụ hoạt động kinh tế, phục vụ đời sống tổ viên.

- Nâng cao vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong đời sống cộng đồng nông thôn qua việc góp phần vào đầu tư hạ tầng nông thôn, y tế, giáo dục, thể thao...

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã, đa dạng hóa các hoạt động thương mại theo các hình thức hợp tác, liên kết.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa xã hội và môi trường

a) Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Tăng cường công tác huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông theo 2 hệ (phổ thông, bổ túc) đạt 94%.

- Đầu tư nâng cấp Trung tâm học tập cộng đồng xã - phối hợp với các Trung tâm dạy nghề đào tạo nguồn lao động có tay nghề.

- Làm tốt công tác điều tra lao động có tay nghề ở nông thôn bao gồm:

+ Số lao động trong độ tuổi có khả năng lao động đã được tham gia các khóa bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn (chính quy và không chính quy), được cấp các loại chứng chỉ, văn bằng như: chứng chỉ học nghề, bằng trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, cao đẳng và đại học.

- Làm tốt công tác huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học phổ thông trung học.

* Nội dung cụ thể:

- Duy trì và phấn đấu chuẩn phổ cập bậc trung học từ 70% trở lên.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học bậc trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 94%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 70% (trong đó có 40% lao động nữ).

b) Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

+ Nội dung thực hiện:

- Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng; công tác dân số gia đình và trẻ em luôn được quan tâm chú trọng. Thực hiện tốt công tác khám, điều trị và phòng, chống các dịch bệnh.

- Kết hợp Trung tâm Y tế dự phòng huyện tổ chức tiêm ngừa vaccin, uống

vitamin A cho trẻ và khám phụ khoa cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đạt kế hoạch giao.

- Tổ chức truyền thông lồng ghép, tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai.

- Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã đạt chuẩn.

c) Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn

- + Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- + Nội dung thực hiện:

- Bổ sung các quy ước về nếp sống văn hóa. Xây dựng chuẩn gia đình văn hóa, các ấp văn hóa, tổ dân phố văn hóa theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng Văn Hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

- Xã hội hóa Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao, tụ điểm văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

- Tổ chức tốt các lễ hội dân gian, văn hóa - lịch sử truyền thống và các ngày lễ, hội văn hóa trên địa bàn xã. Xây dựng và phát triển phong trào thể dục thể thao, trào văn nghệ quần chúng, đờn ca tài tử, hát với nhau ở xã, ấp. Thông qua hoạt động trên nhằm giảm thiểu các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong cộng đồng dân cư.

- Xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phòng, chống tệ nạn xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở ở xã. Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa, xã văn hóa.

- Xây dựng quy ước ấp (hương ước) về nếp sống văn hóa nông thôn: (tập trung vào việc cưới, việc tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội); giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình người nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, thành đạt.

- Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ, hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn ấp.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang và lễ hội. Thực hiện tốt chính sách về người nghèo,...

- Các chỉ tiêu phấn đấu về đời sống văn hóa:

+ Số ấp đạt tiêu chuẩn “Ấp văn hóa”: 3/3 (100%).

+ Tỷ lệ người dân được phổ biến pháp luật và tập huấn khoa học kỹ thuật: trên 80%.

+ Gia đình văn hóa, gương người tốt việc tốt năm 2012 tiếp tục giữ vững và vượt theo chỉ tiêu hàng năm, ấp có trên 90% số hộ đạt gia đình văn hóa, hàng năm có từ 10 - 15 gương người tốt, việc tốt được biểu dương ở ấp.

+ Xây dựng các chỉ tiêu về hoạt động văn hóa, thể thao đối với xã, hàng năm có 80% số cơ quan, đơn vị tại địa bàn đạt tiêu chuẩn công sở văn minh sạch, đẹp, 85% số dân thực hiện nếp sống văn minh trong tiệc cưới, việc tang, lễ hội, 20% số dân tham gia hoạt động văn nghệ, 20% số dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

+ Trồng cây xanh các tuyến đường, trường học, cơ quan, y tế...

+ Mở rộng, nâng cao trình nghĩa trang; vận động nhân dân chôn cất đúng nơi quy định.

+ Xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước thải, nơi đổ rác chung cho cộng đồng; nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt, vận động nhân dân và các hội viên các đoàn thể triển khai thực hiện phân loại và đăng ký bỏ rác đúng nơi quy định, chôn lấp rác tại nhà theo các biện pháp của ngành y tế và môi trường hướng dẫn...

+ Mỗi ấp có 1 tổ chức thu gom, xử lý rác thải tại khu tập trung.

- Giải pháp chủ yếu:

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng, chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường (thông qua định kỳ thực hiện phiếu khảo sát hộ).

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp” kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên qui mô xã. Có đăng ký chỉ tiêu thi đua cho từng ấp. Khảo sát, hỗ trợ xây dựng Vườn sinh thái đẹp qui mô hộ (chủ yếu xây dựng tường rào, cải tạo vườn và vệ sinh cảnh quan sân vườn).

+ Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã: 1 tháng/lần x 12 tháng (trong đó có đợt cao điểm vào tháng 5 hàng năm - Hưởng ứng tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn). Tham gia các hoạt động môi trường do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức.

* Nội dung cụ thể:

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: đạt 100%.

+ Tỷ lệ hộ thu gom rác đạt 85%.

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã đều đạt tiêu chuẩn về môi trường.

+ Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp.

+ Cùng cố tổ thu gom và xử lý rác, đảm bảo chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.

5. Hệ thống chính trị

a) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

* Nội dung 1:

- Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách,

nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.

- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

* Nội dung 2: Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở xã để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã.

* Nội dung 3: Hoàn thiện hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Rà soát, xác định rõ vai trò của mỗi tổ chức trong xây dựng nông thôn mới; đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính văn minh, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

* Nội dung 1: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước cộng đồng dân cư về trật tự, an ninh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

* Nội dung 2: Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới:

- Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cho lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và tự nguyện đảm bảo an ninh trật tự, đặc biệt là lực lượng công an xã, dân quân tự vệ, dự bị động viên... để thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Thạnh An, huyện Cần Giờ, dự kiến: 293.550 triệu đồng, gồm

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 247.550 triệu đồng (chiếm 84,33%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 46.000 triệu đồng (chiếm 15,67%).

B. Nguồn vốn:

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 244.700 triệu đồng, chiếm 83,36%; trong đó:
 - + Vốn Nông thôn mới: 40.100 triệu đồng, chiếm 13,66%.
 - + Vốn lồng ghép: 204.600 triệu đồng, chiếm 69,7%; chia ra:
 - * Vốn ngân sách tập trung: 182.500 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền);
 - * Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 22.100 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).
2. Vốn cộng đồng đóng góp: 36.850 triệu đồng, chiếm 12,55%; trong đó:
 - + Vốn dân: 13.180 triệu đồng;
 - + Vốn doanh nghiệp: 23.670 triệu đồng;
3. Vốn vay tín dụng: 12.000 triệu đồng, chiếm 4,09%

* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Qui mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Ủy ban nhân dân xã Thạnh An, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và Thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Thạnh An, huyện Cần Giờ chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Thạnh An và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Cần Giờ và xã Thạnh An; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thạnh An cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2012 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Thạnh An.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Ban Quản lý xây dựng

nông thôn mới xã Thạnh An, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Thạnh An.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Thạnh An, huyện Cần Giờ; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2977/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn
giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 04/TTr-BQL ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 216/TB-TCT-PTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 858/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 17 tháng 5 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2977/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ TÂN THỚI NHÌ - HUYỆN HÓC MÔN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Đặc điểm tự nhiên

a) Vị trí địa lý

- Xã Tân Thới Nhì - huyện Hóc Môn nằm về phía Tây Bắc của ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 18 km.

- Ranh giới hành chính được xác định như sau:

+ Bắc giáp xã Tân Phú Trung, huyện Hóc Môn.

+ Đông giáp xã Tân Hiệp, Thị Trấn Hóc Môn.

+ Nam giáp xã Xuân Thới Sơn.

+ Tây giáp xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

- Xã Tân Thới Nhì có đường giao thông xuyên suốt đến thành phố, thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh, hàng hoá nông sản dễ tiếp cận thị trường, đồng thời giảm chi phí vận chuyển.

b) Diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên: 1.727,80 ha, chiếm 13,75% diện tích tự nhiên của huyện.

- Xã Tân Thới Nhì được chia làm 8 ấp: Nhì Tân, Nhì Tân 1, Nhì Tân 2, Thống Nhất 1, Thống Nhất 2, Dân Thắng 1, Dân Thắng 2 và Tân Lập.

2. Nhân lực

a) Dân số

- Tổng số nhân khẩu của xã là: 24.662 người. Trong đó, nữ: 12.616 người - chiếm 51,15%, nam: 12.046 người - chiếm 48,85%. Mật độ dân số bình quân 1.427 người/km². So với các xã khác trên địa bàn huyện thì mật độ bình quân người/k m² là tương đối thấp, nguyên nhân do hơn 70% diện tích tự nhiên trên địa bàn xã đang thuộc các dự án quy hoạch: dự án An Phú Hưng, dự án khu đô thị Tây Bắc và Đại học Berjaya. Toàn xã có 6.571 hộ, trong đó có 17 hộ dân tộc Hoa, 7 hộ dân tộc khác.

b) Lao động

- Lao động của xã có 16.812 người. Trong đó, lao động nữ là: 8.495 người, lao động nam là: 8.316 người.

- Số người trong độ tuổi lao động chiếm 68,16% dân số. Trên địa bàn xã có cụm công nghiệp là thị trường thu hút lực lượng lao động từ các địa phương, trong đó xã Tân Thới Nhì có lợi thế hơn hẳn. Như vậy, với kết cấu dân số trẻ, nhân lực của xã có khả năng đáp ứng sự phát triển, góp phần xây dựng địa phương giàu mạnh hơn.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch

a) Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Hiện nay trên địa bàn huyện đã có 1 quy hoạch tổng thể 1/5000 được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố phê duyệt ngày 21 tháng 8 năm 2010 thay thế cho quy hoạch tổng thể 1/10.000 và xã hiện đang căn cứ thực hiện theo quy hoạch này.

b) Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã: Hiện nay trên địa bàn xã có 5 đồ án quy hoạch 1/2000, đã được phê duyệt nhiệm vụ với diện tích 1.691 ha.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

- Xã Tân Thới Nhì có tuyến đường Quốc lộ 22 đi qua, các tuyến chính Hương lộ 60, Dương Công Khi, Đặng Công Bình là các tuyến huyết mạch, các tuyến này thông ra quốc lộ và đi về các tỉnh lân cận thành phố như Tây Ninh, Long An. Đây là

các tuyến đường giao thông quan trọng nhất cho phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của xã.

- Mạng lưới giao thông trên địa bàn xã ngày càng được nâng cấp, mở rộng, hiện tại tổng số tuyến đường giao thông của xã là 201 tuyến, tổng chiều dài: 64 km. Trong đó:

- + Tuyến đường trục xã, liên xã: 24,6 km gồm 11 tuyến. Đã được nhựa hóa: 24,6 km;
- + Tuyến đường trục ấp, liên ấp: 19,1 km gồm 21 tuyến. Đã được nhựa hóa: 9,7 km;
- + Các tuyến trong xóm và nội ấp: 12,1 km gồm 163 tuyến. Đã được cứng hóa và không lầy lội vào mùa mưa: 2,8 km;
- + Các tuyến nội đồng: 8,2 km gồm 6 tuyến. Đã được cứng hóa 8,2 km.

b) Thủy lợi

- Các tuyến kênh nội đồng thuộc khu vực ấp Nhị Tân 2 và ấp Tân Lập hiện nay chưa được nạo vét đắp bờ bao để phục vụ sản xuất nông nghiệp gồm 6 tuyến kênh chính là: AH1, AH1B, AH3, AH3A, AH5 và Kênh dẫn Trạm bơm Tân Thới Nhì. Các tuyến còn lại vai trò chủ yếu phục vụ cho việc tiêu thoát nước chống ngập.

- Trong định hướng phát triển của xã, một số kênh nằm trong quy hoạch khu dân cư nên cần thiết phải nạo vét đắp bờ bao hoặc xây dựng hệ thống thoát nước kiên cố nhằm đáp ứng nhu cầu thoát nước cho khu dân cư sau này. Ngoài ra một số tuyến đường nằm dọc theo các kênh cần được nâng cấp để kết hợp phục vụ cho giao thông nội đồng và đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nông sản cho nhân dân trong khu vực.

c) Điện

- Số trạm biến áp trên địa bàn xã Tân Thới Nhì có 96 trạm với công suất 25.823KVA.

- Đường dây trung thế: 27,7 km.
- Đường dây hạ thế: 27,3 km.
- Bóng đèn chiếu sáng: 592 bóng.
- Tỷ lệ hộ dùng điện: 100%.

- Toàn dân trong xã đều được cung cấp điện phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh... Hệ thống điện trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện

và đã phủ kín trên địa bàn xã. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn đạt 100%.

d) Trường học

* Trường mầm non:

+ Hiện xã có 1 trường mầm non công lập Hướng Dương đạt chuẩn ở ấp Thống Nhất 2 với tổng diện tích: 8.000 m², tổng số phòng học: 22 phòng.

+ Ngoài ra trên địa bàn xã có 3 trường mầm non tư thục, đáp ứng được một phần nhu cầu của các gia đình có con em trong độ tuổi mầm non. Nhưng phần lớn thu nhập của nhân dân trong xã không cao nên việc cho trẻ đến lớp mẫu giáo tư thục không nhiều vì học phí của những lớp này thường cao hơn rất nhiều so với trường mẫu giáo công lập.

* Trường tiểu học:

Trên địa bàn xã hiện có 2 trường tiểu học. Gồm:

+ Trường Tiểu học Nhị Tân, với 1 cơ sở chính và 4 phân hiệu. Tổng diện tích: 4.000 m², gồm 19 phòng học. Cơ sở vật chất của trường đang trong giai đoạn xuống cấp. Hiện nay đang có kế hoạch xây mới đạt theo tiêu chuẩn quốc gia với tổng kinh phí 107 tỷ đồng, năng lực thiết kế 45 phòng học, 2.250 học sinh trên khuôn viên khu đất khoảng 11.501 m² theo Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2011, nguồn vốn xổ số kiến thiết, nguồn vốn ngân sách tập trung và vốn viện trợ phát triển (ODA). Hiện đang trong giai đoạn lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và lập dự án xây dựng.

+ Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2, với tổng diện tích: 4.351,92 m² gồm 17 phòng học và 1 phòng chức năng. Hiện Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2 đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2 với tổng kinh phí đầu tư xây dựng khoảng 74,5 tỷ đồng với tổng diện tích sàn: 6.591,85 m²; với quy mô 1 hầm, 1 trệt, 3 lầu, 37 phòng học và các phòng chức năng.

* Trường trung học cơ sở: Xã có 1 Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1. Tổng số diện tích trường: 8.560 m². Tổng số phòng học là: 25. Cơ sở vật chất của trường đã đạt chuẩn quốc gia. Do số lượng học sinh theo học trong thời gian tới tăng

nhanh, số lượng phòng học hiện có của trường không đáp ứng đủ nhu cầu học tập. Vì vậy theo quy hoạch chung của huyện sẽ xây thêm trường trung học cơ sở để đảm bảo điều kiện học tập trong thời gian tới.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

Xã Tân Thới Nhì chưa có Trung tâm Văn hóa Thể thao phục vụ cho đời sống văn hóa tinh thần, hoạt động thể thao cho người dân. Các ấp đều có trụ sở, là nơi hoạt động, làm việc và hội họp của Ban nhân dân ấp, đoàn thể, chi tổ hội... tuy nhiên các trụ sở này đều nhỏ hẹp, xuống cấp cần nâng cấp và xây mới để làm điểm sinh hoạt văn hoá thay cho nhà văn hóa ấp.

e) Chợ

- Trên địa bàn xã chỉ có 1 chợ Tân Thới Nhì là nơi mua bán, kinh doanh chính của xã, nằm trên tuyến đường Quốc lộ 22. Theo định hướng phát triển chung của huyện cần di dời chợ Tân Thới Nhì (do diện tích nhỏ, chật hẹp), xây mới tại vị trí khác rộng và khang trang hơn.

g) Bưu chính - viễn thông

- Trên địa bàn xã có các điểm phục vụ bưu chính viễn - thông hầu hết được tư nhân đầu tư và tương đối đáp ứng được nhu cầu của người dân. Hiện nay xã có 20 điểm kinh doanh Internet của tư nhân. Đường truyền Internet đã phân bố rộng trên địa bàn 8 ấp của xã.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: toàn xã có 19.500 điện thoại di động/24.662 dân, số điện thoại cố định là 3.500 cái/6.571 hộ. Tổng số máy vi tính là 2.500 cái, số vi tính kết nối internet là 1.500 máy. Thông tin liên lạc của xã tương đối thuận lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và nhân dân, người dân tiếp cận được với phương tiện hiện đại và mở rộng như Internet khá dễ dàng.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Xã Tân Thới Nhì có tỷ lệ nhà xây dựng kiên cố đạt khoảng 98% nhà cấp 4, còn lại là nhà cấp 2, cấp 3 và nhà dân đang xuống cấp. Hiện nay số nhà tạm bợ còn lại trên địa bàn xã là khoảng 80 căn.

- Nhìn chung, người dân tại xã Tân Thới Nhì đã sinh sống tại đây từ rất lâu đời. Đất đai, nhà cửa từ tổ tiên để lại, nên phần lớn chưa chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xây dựng, sửa chữa lại nhà ở cũng mang tính tự phát, chưa theo quy hoạch nhất định. Do đó, ảnh hưởng đến mỹ quan chung của đô thị tương lai. Trong thời gian tới,

chính quyền xã sẽ đẩy mạnh hơn nữa trong công tác tuyên truyền, quản lý sử dụng đất theo quy hoạch cũng như trong việc xem xét, cấp phép xây dựng cho người dân.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Thu nhập

- Cơ cấu kinh tế hiện nay của xã: **Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp**. Tân Thới Nhì là xã ngoại thành thành phố, song lại là xã có tốc độ đô thị hoá nhanh nên cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng Công nghiệp và Thương mại - dịch vụ, giảm Nông nghiệp. Trong thời gian tới đất nông nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục giảm mạnh.

- Thu nhập bình quân/người/năm của xã là: 19.368.000 đồng (năm 2012).

b) Hộ nghèo

So với mức quy định của Trung ương (4,8 triệu đồng/người/năm): xã không còn hộ nghèo. So với chuẩn nghèo của Thành phố (giai đoạn 3, 2010 - 2015) hiện xã có 821/6.571 hộ nghèo, tỷ lệ 12,5%.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Tổng số người trong độ tuổi của xã là 16.812 người (chiếm 68,16% dân số). Trong đó nữ là 8.496 người (chiếm tỷ lệ 50,52%), nam là 8.316 người (chiếm tỷ lệ 49,48%). Số lao động đã có việc làm là 15.997 lao động, chiếm 95,15% số người trong độ tuổi lao động. Như vậy số người trong độ tuổi lao động chưa có việc làm là 4,85%.

- Hiện lao động trong lĩnh vực nông nghiệp của xã chiếm 4,78% tổng số lao động toàn xã. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp của xã còn thấp so với các xã khác trên địa bàn huyện, so sánh theo tiêu chí về cơ cấu lao động của vùng Đông Nam bộ (<20%) thì xã đạt. Theo xu hướng phát triển thì lao động trong nông nghiệp sẽ chuyển sang các ngành phi nông nghiệp, đặc biệt là ngành thương mại - dịch vụ vì tiềm năng của ngành này còn tương đối lớn.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Trang trại: Hiện trên địa bàn xã sản xuất theo quy mô trang trại chưa có.

- Hợp tác xã và tổ hợp tác: Hiện nay trên địa bàn xã Tân Thới Nhì có 4 tổ hợp tác chăn nuôi thỏ với 17 thành viên, chăn nuôi bò sữa, sản xuất rau, câu lạc bộ sinh vật cảnh với 42 thành viên. Tình hình hoạt động của các tổ hợp tác tương đối ổn định, tuy

nhiên vẫn còn một số khó khăn do biến động thị trường ảnh hưởng lớn đến quá trình sản xuất của các tổ, cho nên cần củng cố các tổ hợp tác này để hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

4. Văn hóa - xã hội và môi trường

a) Giáo dục

- Phổ cập giáo dục trung học đạt 95,4% (Trung học cơ sở) được Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo công nhận, đánh giá: đạt. Công tác phổ cập giáo dục hàng năm của xã được duy trì tốt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề...) trên 92%. Tỷ lệ xóa mù chữ đạt; Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: đạt.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã đạt: 35,5%.

b) Y tế

- Trạm Y tế xã Tân Thới Nhì được công nhận chuẩn quốc gia về y tế năm 2010 theo tiêu chuẩn cũ. Hiện đang xuống cấp, cần được đầu tư mới.

Nhân sự tại trạm y tế xã có 1 bác sĩ, 2 y sĩ, 1 điều dưỡng, 1 dược sĩ. Chỉ tiêu kết quả về y tế xã đạt được như: tỷ lệ trẻ được tiêm ngừa trong 6 tháng đầu năm đạt 45,23%, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi suy dinh dưỡng là 5,81%, phần đầu thực hiện giảm 0,104/1000 tỷ lệ sinh, giảm 0,20% tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của Trạm đang dần xuống cấp, định hướng nâng cấp trạm y tế xã theo chủ trương của huyện và để đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân.

- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế chiếm tỷ lệ 55%.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Xã hiện có 8/8 ấp ra mắt Ban chủ nhiệm xây dựng ấp văn hóa. Các ấp này hoạt động rất tích cực trong việc xây dựng và giữ vững mục tiêu ấp văn hóa. Đời sống văn hóa của nhân dân xã Tân Thới Nhì đang dần được cải thiện và tốt hơn. Các trang thiết bị đồ dùng trong gia đình được sử dụng rộng rãi, phục vụ tốt cho nhu cầu đời sống hàng ngày của nhân dân. Đánh giá công tác hơn 10 năm thực hiện cuộc vận động toàn dân tích cực xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xã Tân Thới Nhì đã đạt được một số thành quả nhất định. Tuy nhiên, trong năm 2011 chỉ có ấp Tân lập được

công nhận áp văn hóa, chiếm tỷ lệ 12,5%; áp Thống Nhất 1 và áp Nhị Tân 2 được đánh giá là áp tiên tiến.

d) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

- Hiện xã có 3 trạm cấp nước tại áp Nhị Tân 2 và áp Tân Lập với khả năng cấp nước được khoảng 700. Số hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 6.571/6.571 đạt (100%), trong đó có 680 hộ dùng nước nhà máy cung cấp, 5.891 hộ dùng nước giếng khoan khai thác mạch nước ngầm. Hàng năm lấy mẫu nước xét nghiệm vẫn chưa phát hiện nhiễm khuẩn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt chuẩn môi trường: khoảng 5,8% (khoảng 10 công ty). Hiện nay kênh An Hạ, kênh Thầy Cai, kênh Trung Ương đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Nguyên nhân là các cơ sở sản xuất hoạt động xả nước thải sản xuất không qua xử lý xuống kênh, đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nuôi trồng của người dân và làm ô nhiễm môi trường. Việc xả rác bừa bãi không đúng nơi quy định dẫn đến tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng các con kênh trên, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hồ xí, bể nước) đạt chuẩn: đạt 100%. Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chuẩn về môi trường: 30%. Phương thức xử lý chất thải: dùng hầm biogas để ủ chất thải tạo chất khí phục vụ đun nấu.

- Hàng năm xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp: hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới, ra quân ngày chủ nhật xanh định kỳ, đăng ký các tuyến đường không rác do mỗi đoàn thể phụ trách....

- Nghĩa trang: Không có quy hoạch nghĩa trang liệt sĩ, nghĩa trang nhân dân. Hiện nay trên địa bàn huyện đã có quy hoạch nghĩa trang tập trung, định hướng người dân của xã chôn cất người thân ở nghĩa trang huyện. Xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch chung của huyện Hóc Môn.

- Chất thải rắn được thu gom và xử lý theo quy định. Trên địa bàn xã có 1 tổ thu gom và xử lý rác dân lập với 09 tổ viên, phương tiện thu gom rác dân lập có 8 xe ba gác máy. Phương thức hoạt động: thu gom rác sinh hoạt ở khu dân cư đưa về bãi trung chuyên. Tỷ lệ hộ dân đăng ký đổ rác dân lập đạt 60%.

- Nhìn chung nước thải công nghiệp xả ra ngoài môi trường của các đơn vị sản xuất đáp ứng được yêu cầu, chiếm tỷ lệ 87% (năm 2012) (theo QCVN 40:2011/BTNMT).

Tuy nhiên trên địa bàn xã còn một số hộ chăn nuôi và cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tuân thủ các quy định về môi trường. Trong thời gian tới, chính quyền địa phương cố gắng kiểm tra nhằm giảm thiểu thấp nhất ô nhiễm môi trường; tập trung kiểm tra mạnh hơn tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập huấn về phương pháp và cách thức thực hiện bảo vệ môi trường cho dân thông qua các lớp: Hướng dẫn sử dụng nước hợp vệ sinh, cách thức xử lý rác hợp vệ sinh.

5. Hệ thống chính trị - xã hội

a) Hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức xã so với chuẩn

Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2013 là 50 người: trong đó có 25 cán bộ và công chức, 25 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 02 năm 2013 là 10 cán bộ, 13 công chức, 23 cán bộ không chuyên trách.

Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ đại học: 14 người

+ Trình độ trung cấp: 9 người

Về trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ cao cấp: 2 người

+ Trình độ trung cấp: 8 người

Số lượng cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đạt tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn: 23/23 người.

b) Tình hình hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

- Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Hoạt động của các đoàn thể - Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) đang hướng đi vào thực chất, chăm lo và đại diện được quyền lợi nhân dân, là kênh chuyển tải những ý kiến của nhân dân đến Đảng ủy - UBND xã.

- Hàng năm các đơn vị MTTQ - Đoàn thể đều xếp loại Xuất sắc theo đánh giá của ngành dọc và kiểm tra của Thành phố.

- Tình hình hoạt động của hệ thống chính trị:
- + Toàn xã có 8 ấp với 117 tổ nhân dân.
- + Hội Cựu chiến binh có 178 hội viên trong đó có 57 hội viên là đảng viên.
- + Hội Nông dân có 1.230 hội viên trong đó có 9 hội viên là đảng viên.
- + Hội Phụ nữ có 4.479 hội viên.
- + Đoàn thanh niên có 377 đoàn viên, 938 hội viên.
- + Hội Chữ thập đỏ có 300 hội viên.
- + Hội Người cao tuổi có 1.332 hội viên.

- Trong công tác lãnh đạo, Đảng ủy xã đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy và chỉ tiêu cấp trên, thường xuyên nắm bắt thông tin từ cán bộ, nhân dân thông qua các buổi giao ban, sinh hoạt Chi bộ, ấp, tổ nhân dân, qua đó kịp thời lãnh đạo và giải quyết các vấn đề đề xuất của nhân dân. UBND luôn thực hiện tốt cải cách hành chính, bước đầu đem lại hiệu quả, giảm phiền hà nhân dân, hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực luôn được quan tâm thực hiện tốt trải đều ở 8/8 ấp trên địa bàn xã.

c) Tình hình trật tự xã hội - an ninh trên địa bàn

- Duy trì công tác tuần tra trấn áp tội phạm, tập trung xử lý, quản lý đối tượng trọng điểm. Tình hình về phạm pháp hình sự; Công tác tấn công trấn áp tội phạm, xử lý đối tượng; Tệ nạn xã hội; trật tự giao thông đều được kiểm soát tốt.

- Tình hình an ninh chính trị luôn giữ vững, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định.

- Hoàn thành các chỉ tiêu đăng ký nghĩa vụ quân sự, chỉ tiêu giao quân đạt 100%, quản lý chặt chẽ quân dự bị, xây dựng lực lượng dân quân đảm bảo về chất lượng và số lượng.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ TÂN THỜI NHÌ - HUYỆN HÓC MÔN ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

Xây dựng xã Tân Thới Nhì trở thành một xã nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

+ Năm 2012: xã đạt 6/19 tiêu chí (Tiêu chí: 4, 8, 12, 13, 18, 19);

+ Năm 2013: Phần đầu đạt 8/19 tiêu chí (thêm 2 tiêu chí: 1, 3);

+ Năm 2014: Phần đầu đạt 13/19 tiêu chí (thêm 5 tiêu chí: 2, 6, 9, 16, 17);

+ Năm 2015: Phần đầu đạt 19/19 tiêu chí (thêm 6 tiêu chí: 5, 7, 10, 11, 14, 15).

* Nội dung thực hiện cụ thể gồm:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải, nơi chôn cất đúng quy định, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp từ 1,8 đến 2 lần so với trước khi xây dựng đề án (19.368.000 đồng/người/năm).

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp theo tỷ lệ: 37% - 56% - 7%. Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp: tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp giảm bình quân hàng năm từ 5 - 10% trên tổng số lao động nông nghiệp. Đào tạo nghề cho 300 lao động/năm.

- Tỷ lệ theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân 2 - 3%/năm, đến năm 2015 giảm dưới 2%.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã là trên 12%/năm trong giai đoạn (năm 2011 - 2015).

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Nạo vét, đắp bờ bao một số tuyến kênh nội đồng đảm bảo việc tưới tiêu cho khu vực cánh đồng bung thuộc 2 ấp Tân Lập và Nhị Tân 2.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 6/8 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, chiếm tỷ lệ 75%; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2013.

+ Nội dung:

Thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

Tuân thủ theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung huyện Hóc Môn, cập nhật các đồ án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn xã đã được phê duyệt; theo đó phân bố dân số, chức năng sử dụng đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội qua các giai đoạn phát triển phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Công tác phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới vào năm 2014, cụ thể: tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã.

+ Nguyên tắc đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư các đường giao thông liên xã, đường giao thông trục chính kết nối mạng lưới giao thông với quốc lộ, tỉnh lộ hoặc trục đường chính của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

- Thực hiện quy mô đầu tư theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Trường hợp mặt đường hiện trạng lớn hơn theo quy định của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT thì thực hiện đầu tư theo hiện trạng.

+ Nội dung thực hiện:

- Từ nay đến năm 2015 xây dựng hệ thống giao thông nông thôn hiện đại, chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản, góp phần giảm khoảng cách chênh lệch về kinh tế cũng như trình độ dân trí giữa nông thôn và thành thị.

- Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã, bảo đảm nối các đường giữa các xã hay từ trung tâm hành chính xã tới các ấp được nhựa hóa hay bê tông hóa đạt chuẩn kỹ thuật; đường trục nối giữa các ấp, xóm được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật; đường liên tổ nối giữa các tổ trong ấp, liên tổ sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đường liên ấp và trục ấp: Nâng cấp đường có hiện trạng kết cấu nền đất và đường cấp phối sỏi đỏ lên bê tông nhựa nóng, láng nhựa với tổng chiều dài: 9,400 km (12 tuyến); đường giao thông ngõ xóm: Nâng cấp đường có hiện trạng kết cấu nền đất, đá 0,4 lên bê tông xi măng với tổng chiều dài: 9,223 km (85 tuyến).

b) Thủy lợi

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2013.

+ Nội dung thực hiện: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi, công trình thủy lợi kết hợp giao thông nội đồng đảm bảo cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn xã, gồm:

- Khai thông dòng chảy, đắp bờ bao kết hợp giao thông nội đồng một bên mặt đường cấp phối đá dăm rộng bình quân 2,2 m; xây công nối, gồm:

+ 6 tuyến kênh với tổng chiều dài: 10.707 m;

+ 2 công nối kênh dẫn Trạm bơm dài: 30 m.

c) Điện

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

+ Nội dung: Duy trì, hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; 100% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên.

- Xây mới 16 trạm biến thế (đơn giá 300,0 triệu đồng/trạm).
- Trạm tăng cường chiếu sáng: 7 trạm - công suất: 1.284 KVA.
- Xây dựng mới 2,09 km và cải tạo 1,82 km hệ thống đường dây trung thế.
- Xây dựng mới 5 km đường dây hạ thế
- Xây lắp mới 200 và cải tạo 175 bóng đèn chiếu sáng.

d) Trường học

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015;

+ Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến năm 2015, trường học cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn quốc gia. Gồm:

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng Trường Tiểu học Nhị Tân.
- Triển khai xây dựng 1 Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2 đạt chuẩn và triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Trường Tiểu học Nhị Tân.
- Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nhị Tân hiện hữu để đảm bảo nhu cầu học tập: nâng cấp, cải tạo 1 điểm chính và 3 phân hiệu.
- Xây mới 2 phòng học, cải tạo 5 phòng chức năng và trang thiết bị; thay mái tole chống dột, sơn tường, thay nền cho Trường Mầm non Hướng Dương.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2014.

+ Nội dung:

- Xây mới văn phòng kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa Ban nhân dân ấp Thống Nhất 1.
- Nâng cấp, cải tạo văn phòng Ban nhân dân ấp Thống Nhất 2 (Tụ điểm sinh hoạt văn hóa tại Trung tâm Văn hóa Thể thao xã).

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng Ban nhân dân ấp Dân Thắng 1 (Tụ điểm sinh hoạt văn hóa tại Trung tâm Văn hóa Thể thao xã).

- Xây mới văn phòng kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa Ban nhân dân ấp Dân Thắng 2.

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa Ban nhân dân ấp Nhị Tân.

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng Ban nhân dân ấp Nhị Tân 1 (Sửa chữa, cải tạo Phân hiệu 2 Trường Tiểu học Nhị Tân làm tụ điểm sinh hoạt văn hóa).

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng Ban nhân dân ấp Nhị Tân 2 (Sửa chữa, cải tạo Phân hiệu 4 Trường Tiểu học Nhị Tân làm tụ điểm sinh hoạt văn hóa).

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa Ban nhân dân ấp Tân Lập.

- Xây mới Trung tâm Văn hóa Thể thao xã đạt chuẩn.

e) Chợ

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015.

+ Nội dung: Xây dựng mới Trung tâm thương mại tại ấp Dân Thắng 1 đáp ứng nhu cầu mua bán của dân cư.

h) Bưu chính - viễn thông

+ Mục tiêu: Duy trì đạt và nâng chất tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây thông tin đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc của dân cư nông thôn.

g) Nhà ở dân cư

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2014.

+ Nội dung: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 10 căn nhà tạm bợ và vận động nhân dân cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở xuống cấp thành đạt chuẩn.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất

a) Chuyên dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015:

- Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp từ 1,5 đến 1,8 lần so với khi xây dựng đề án.

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân 3%/năm; phấn đấu đến cuối năm 2015 còn < 2%.

- Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

+ Nội dung:

- Phát triển các loại hình thương mại dịch vụ trên địa bàn xã: Phát triển các loại hình thương mại dịch vụ như: ăn uống, mua bán trao đổi hàng hóa, dịch vụ bưu chính, viễn thông, thương mại điện tử, sửa chữa cơ khí, nhà hàng,... gắn phát triển với quy hoạch ổn định, văn minh.

- Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã: Các loại hình về dệt may, thủ công mỹ nghệ, đan lát, lưới,...

- Về trồng trọt:

+ Phát triển loại hình hoa, cây kiểng: Quy mô dự kiến khoảng 5 ha đến năm 2015, chuyển từ diện tích đất trồng lúa, vườn tạp, trồng cỏ kém hiệu quả. Loại hình điển hình của nông nghiệp sinh thái đô thị, cung cấp sản phẩm nông nghiệp cao cấp cho nhu cầu sinh hoạt, giải trí cho cư dân thành phố. Các chủng loại thường gặp ở mô hình này là: Mai vàng (mai ghép nhiều màu, mai tai giáo ...), Bon sai, gồm một số loại như cùm rùm, tắc, khế, mai, cần thăng...; Kiểng lớn như mai chiếu thủy, kiểng lá...; Hoa cao cấp như lan cắt cành Mokara, Dendrobium, hoa hồng; các loại cá cảnh có giá trị cao. Loại hình sản xuất này không cần nhiều đất, nhưng đòi hỏi chủ hộ phải nắm vững kỹ thuật chiết ghép, trồng, chăm sóc hoa kiểng, nuôi cá cảnh tinh tế thẩm mỹ, nhạy bén với thị trường. Để có thu nhập khoảng 150 - 170 triệu đồng/năm, chỉ cần khoảng 500m² đất với tổng vốn (lưu động, cố định) khoảng 50 - 70 triệu đồng. Đặc trưng của mô hình là không gây ô nhiễm, mà còn góp phần làm cho cảnh quan môi trường ngày càng thêm sắc màu sạch đẹp, là những đặc điểm ưu việt của loại mô hình này.

- Phát triển trồng các loại rau, rau an toàn theo tiêu chuẩn Viet GAP: Quy mô dự

kiến 20 ha. Mỗi mô hình đầu tư khoảng 10 - 15 triệu đồng cho việc lên líp, cải tạo đồng ruộng. Mô hình cần liên kết nhiều hộ trồng rau trên một địa bàn lại với nhau nhằm góp sức giải quyết đầu vào, đầu ra cho sản phẩm.

- Với khoảng 10 vụ bình quân hàng năm, rau an toàn sẽ cho thu nhập khoảng 25 triệu đồng/1000m²/năm nghĩa là 250 triệu đồng/ha/năm. Một nguồn thu rất lớn so với một số cây trồng, vật nuôi khác; chưa kể mỗi mô hình có thể giải quyết từ 5 - 7 lao động (nhà, thuê khoán) góp phần đem lại công ăn việc làm cho xã hội.

+ Mô hình chăn nuôi heo công nghệ cao trên địa bàn xã (mô hình VAC kết hợp BIOGAS). Dự kiến giảm tổng đàn xuống khoảng 3.000 con.

+ Mô hình chăn nuôi bò sữa để khai thác lợi thế về đồng cỏ: Đưa đàn bò sữa đạt 970 con vào năm 2015, với năng suất 4.000 - 5.000 kg sữa/chu kỳ. Diện tích trồng cỏ: 5 ha.

+ Các mô hình nuôi thủy đặc sản khác: Quy mô dự kiến khoảng 2 ha. Nhằm khai thác các lợi thế hiện có về điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của xã, tận dụng đất đai, lao động, thị trường.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với Bộ tiêu chí của thành phố vào năm 2015.

+ Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm vào năm 2015 và giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 xuống còn 2%.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà dột nát cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

- Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

+ Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn, gồm:

- Ban quản lý xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện để có kế hoạch đào tạo nghề và tạo việc làm cho người nông dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã, góp phần ổn định cuộc sống với phương châm nghề hướng đến cung cho các doanh nghiệp, các khu công nghiệp đóng trên địa bàn xã hay các địa bàn lân cận. Từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình dạy nghề cho nông dân biết về quản lý kinh tế, vững về kỹ thuật, khả năng tiếp thị; cán bộ xã giỏi về phát triển nông thôn, là nòng cốt góp phần quan trọng trí thức hóa nông thôn.

- Các chỉ tiêu cụ thể: đào tạo nghề cho khoảng 1.000 lao động (bằng các hình thức hỗ trợ đào tạo nghề, vận động lao động tự đi học):

+ Giải quyết việc làm cho 300 lao động/năm;

+ Đào tạo nghề cho nông dân: 60% nông dân được trang bị kiến thức nông nghiệp và quản lý kinh tế hộ gia đình.

d) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã. Đến năm 2015 sẽ có 3 tổ hợp tác làm ăn có hiệu quả về sản xuất nông nghiệp và ngành nghề.

* Nội dung 2: Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản, phấn đấu đến năm 2015 có 60% sản phẩm tiêu thụ thông qua các hợp đồng kinh tế ổn định.

* Nội dung 3: Thực hiện chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn: Liên hiệp hợp tác xã cùng ngành nghề, liên tổ hợp tác, liên kết doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác...

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015.

+ Nội dung: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, gồm:

- Bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, thực hiện dạy đủ các môn học của chương trình.

- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm đạt 100%

- Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cả hai hệ đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 95%.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% (trong đó có 40% lao động nữ): vận động lao động tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn (chính quy và không chính quy), được cấp các loại chứng chỉ, văn bằng như: chứng chỉ học nghề, bằng trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, cao đẳng và đại học...

- Xóa mù chữ đạt chuẩn theo quy định của ngành giáo dục.

b) Y tế

+ Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới năm 2015.

+ Nội dung:

- Xây dựng mới trạm y tế đạt chuẩn.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực về y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Vận động nâng tỷ lệ của người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt trên 75%.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới năm 2014.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Xã có từ 70% số ấp trở lên đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “ấp văn hóa” ban hành kèm theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* Nội dung 2: Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015, 100% ấp đạt tiêu chuẩn.

- Xây dựng quy ước hoạt động của tổ nhân dân, khu dân cư về nếp sống văn hoá nông thôn, tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Triển khai từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

- Xã hội hoá Trung tâm văn hóa thể dục thể thao, tụ điểm văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

d) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2014; duy trì và nâng chất nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở và các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Tiếp tục hỗ trợ, vận động các hộ sử dụng nước máy.

* Nội dung 2: Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, ấp theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong ấp, tổ; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở xã; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng v.v..

- Nước thải từ các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp ở nông thôn, dịch vụ công cộng, khu dân cư sẽ được xử lý cục bộ; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; không có hoạt động làm suy giảm môi trường; chất thải được thu gom, xử lý theo quy định. Nâng tỷ lệ hộ dân có hố xí tự hoại đạt 100% (năm 2015), số hộ chăn nuôi sử dụng biogas giải quyết chất thải chăn nuôi đạt 100% (năm 2015).

- Tỷ lệ hộ đăng ký đồ rác dân lập trên 85%.

- Trong 5 năm trồng mới khoảng 3.000 cây xanh (các tuyến đường chính, liên ấp).

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội:

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Nội dung 1: Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BTV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

- Nội dung 2: Thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

- Nội dung 3: Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

b) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước các mô hình tự quản về an ninh trật tự, an ninh; phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và trật tự giao thông đô thị.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các hội quần chúng tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

* Nội dung 2: Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, dự kiến: 490.820 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 368.263 triệu đồng (chiếm 75,03%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 122.557 triệu đồng (chiếm 24,97%).

B. Nguồn vốn:

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 281.059 triệu đồng, chiếm 57,26%; trong đó:
 - + Vốn Nông thôn mới: 165.302 triệu đồng, chiếm 33,68%.
 - + Vốn lồng ghép: 115.757 triệu đồng, chiếm 23,58%; chia ra:
 - * Vốn ngân sách tập trung: 94.500 triệu đồng;
 - * Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 21.257 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).
2. Vốn cộng đồng đóng góp: 184.161 triệu đồng, chiếm 37,52%; trong đó:
 - + Vốn dân: 143.834 triệu đồng;
 - + Vốn doanh nghiệp: 40.327 triệu đồng;
3. Vốn vay tín dụng: 25.600 triệu đồng, chiếm 5,22%.
 - * Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.
2. Qui mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và Thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Hóc Môn và xã Tân Thới Nhì; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2012 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Tân Thới Nhì.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Thới Nhì.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Thới Nhì, huyện

Hóc Môn; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng